

MÔ TẢ/ DESCRIPTIONS

Van Xả Áp/ Van An Toàn trong hệ thống nước của khu dân cư và tòa nhà cao tầng. Điều chỉnh tự động chính xác nhờ hệ thống Pilot. Van hoạt động trên nguyên tắc thủy lực. Màng chắn được cấu tạo bằng Nylon và cao su cho độ bền cao. Bộ điều khiển áp lực (Pilot) có độ chính xác cao và dễ sử dụng.

H500 loại bỏ hầu hết các dị vật trong nguồn nước giúp van hoạt động ổn định hơn.

Pressure Relief Valve/ Safety Valve is used as either relief or sustaining valve of valve supply and building service by a Pilot actuated automatically. Hydraulically operated. Built in Nylon reinforced diaphragm for strength and accuracy. Pressure reducing pilot features easy operation.

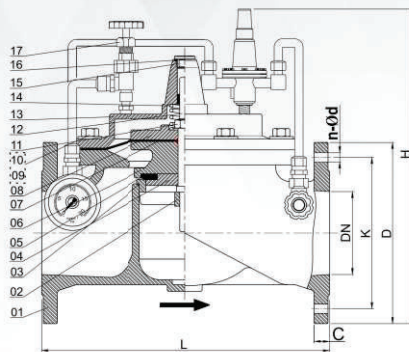
H500 eliminates most foreign bodies in the water, making valve operation more stable.

Mã Sản Phẩm Product Code	H500	
Kích Thước Size	DN50 - DN600	
Tiêu Chuẩn Thiết Kế Design Standard	BS EN 1074-5	
	BS 5163-2	
Tiêu Chuẩn Khoảng Cách 2 Mặt Bích Face To Face Standard	BS EN 558-1 TABLE 1 SERIES 1	
	ISO 5752 TABLE 1 SERIES 1	
Kiểu Kết Nối Connection End	MẶT BÍCH FLANGED	
Tiêu Chuẩn Kết Nối Và Áp Suất Làm Việc Connection Standard And Pressure Rating	BS 4504 DIN 2632 DIN 2633	PN10, PN16, PN25
	JIS B2220	10K, 16K, 20K
	ASME B16.42	150LB
Sơn Phủ Paint Coating	Loại Sơn Type	EPOXY RESIN POWDER
	Tiêu Chuẩn Standard	JIS K 5551:2002 (TCVN 9014:2011)
	Màu Sắc Colour	XANH - ĐỎ BLUE - RED
	Độ Dày Thickness	250µm~300µm
Nhiệt Độ Làm Việc Working Temp	-10°C~ 80°C	
Môi Trường Làm Việc Flow Media	Hệ Thống Nước/ Water Systems	



H500 - VAN XẢ ÁP / VAN AN TOÀN H500 - PRESSURE RELIEF VALVE / SAFETY VALVE

HÌNH VẼ / DETAIL DRAWING



DANH MỤC VẬT LIỆU / PARTS LIST & MATERIAL

No	Part Name	Material	Material Code
1	Body	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
2	Seat	Stainless Steel	ASTM A182 F304
3	O-Ring	Rubber	NBR
4	Gasket Fastener	Stainless Steel	ASTM A182 F304
5	Gasket	Rubber	NBR
6	Lower Plate	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
7	Diaphragm	Rubber + Nylon Fabric	EPDM + Nylon
8	Upper Plate	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
9	Bolt	Stainless Steel	A193 B8
10	Washer	Stainless Steel	ASTM A182 F304
11	Nut	Stainless Steel	A194 Gr.8
12	Stem	Stainless Steel	ASTM A182 F304
13	Bonnet	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
14	Spring	Stainless Steel	ASTM A182 F304
15	Top Screw Guide	Stainless Steel	ASTM A182 F304
16	O-RING	Rubber	NBR
17	Needle Valve	Stainless Steel	ASTM A182 F304

KÍCH THƯỚC H500 / H500 DIMENSION (mm)

DN	Model/No.	L	H	D			K			n-Ød			C		
				PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25
50	H500 - 0050	230	355	165	165	125	125	4-Ø19	4-Ø19	19	19				
65	H500 - 0065	290	385	185	185	145	145	4-Ø19	8-Ø19	19	19				
80	H500 - 0080	310	401	200	200	160	160	8-Ø19	8-Ø19	19	19				
100	H500 - 0100	350	436	220	235	180	190	8-Ø19	8-Ø23	19	19				
125	H500 - 0125	355	505	250	270	210	220	8-Ø19	8-Ø23	19	19				
150	H500 - 0150	480	479	285	300	240	250	8-Ø23	8-Ø28	19	20				
200	H500 - 0200	600	649	340	360	295	310	8-Ø23	12-Ø23	12-Ø28	20	22			
250	H500 - 0250	730	716	395	405	425	350	355	370	12-Ø23	12-Ø28	12-Ø31	22	24.5	
300	H500 - 0300	850	778	445	460	485	400	410	430	12-Ø23	12-Ø28	16-Ø31	24.5	27.5	
350	H500 - 0350	980	849	505	520	555	460	470	490	16-Ø23	16-Ø28	16-Ø34	24.5	30	
400	H500 - 0400	1100	916	565	580	620	515	525	550	16-Ø26	16-Ø31	16-Ø37	24.5	32	
500	H500 - 0500	1250	1080	670	704	730	620	650	660	20-Ø26	20-Ø34	20-Ø37	26.5	36.5	
600	H500 - 0600	1450	1260	780	827	845	725	770	770	20-Ø30	20-Ø37	20-Ø40	30	42	

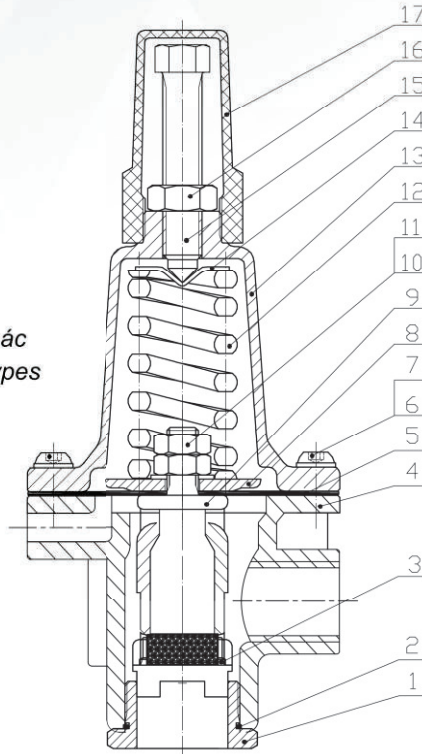
H500 - VAN XẢ ÁP / VAN AN TOÀN H500 - PRESSURE RELIEF VALVE / SAFETY VALVE

PILOT XẢ ÁP / PRESSURE RELIEF PILOT

Pilot Xả Áp/ An Toàn Pressure Relief/ Safety Pilot

Kiểu/ Model No : H500
Dãi Áp/ Range : 2bar-8bar
(Cài Đặt/ Adjustable)
Kết Nối/ Connection : ISO7- Rc3/8"

Ghi chú: Nhà sản xuất có thể sử dụng loại khác
Remark: Manufacturers may use different types



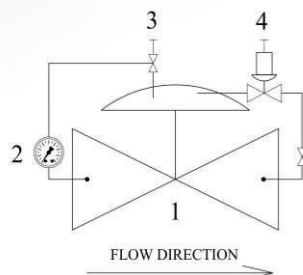
DANH MỤC VẬT LIỆU PILOT/ PILOT PART LIST & MATERIAL

No	Part Name	Material	Material Code
1	Screw Plug	Stainless Steel	ASTM A182 F304
2	O-Ring	Rubber	NBR
3	O-Ring	Rubber	NBR
4	Body	Stainless Steel	ASTM A531 CF8
5	Diaphragm	Rubber + Nylon Fabric	NBR/EPDM + Nylon Fabric
6	Screw	Stainless Steel	ASTM A193 B8
7	Washer	Stainless Steel	ASTM A182 F304
8	Plate	Stainless Steel	ASTM A182 F304
9	Hanger	Stainless Steel	ASTM A182 F304
10	Nut	Stainless Steel	ASTM A194 Gr.8
11	Washer	Stainless Steel	ASTM A182 F304
12	Main Spring	Stainless Steel	ASTM A351 CF8
13	Bonnet	Stainless Steel	ASTM A182 F304
14	Spring Cover	Stainless Steel	ASTM A182 F304
15	Bolt	Stainless Steel	ASTM A182 F304
16	Nut	Stainless Steel	ASTM A194 Gr.8
17	Cap Guard	Plastic	Commercial

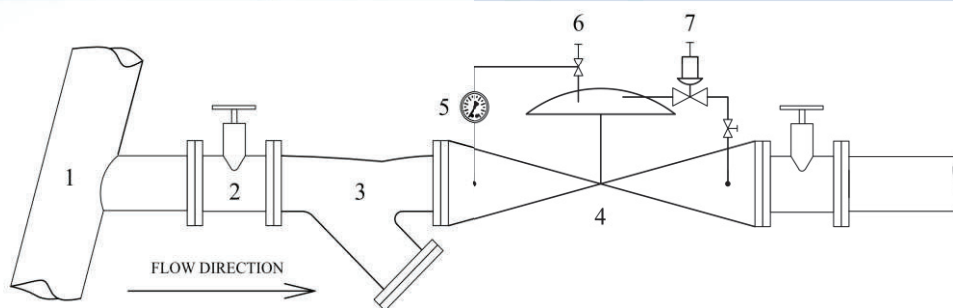
H500 - VAN XẢ ÁP/ VAN AN TOÀN H500 - PRESSURE RELIEF VALVE/ SAFETY VALVE

SƠ ĐỒ VAN XẢ ÁP/ PRESSURE RELIEF VALVE

1. Cụm thân van/ Main Valve
2. Đồng hồ áp suất/ Pressure Gauge
3. Van kim/ Needle Valve
4. Pilot xả áp/ Pressure Relief Pilot



SƠ ĐỒ KẾT NỐI ĐƯỜNG ỐNG/ DIAGRAM OF PIPE CONNECTION



1. Ống cấp nước chính/ Main Supply Line
2. Van cổng/ Gate Valve
3. Van Y lọc/ Y-Strainer
4. Cụm thân van/ Main Valve

5. Đồng hồ áp suất/ Pressure Gauge
6. Van kim/ Needle Valve
7. Pilot xả áp/ Pressure Relief Pilot

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG/ ORDER INFORMATION

H500 - 0100 - 10 - D2 B

Loại - Model:
H500: Van Xả Áp
Pressure Relief Valve

Cỡ Van - Valve Size:
0050: DN50, **0100:** DN100

B: Màu Xanh - Blue
R: Màu Đỏ - Red
D2: Gang Cầu - Ductile Iron

Mặt Bích và Áp Lực
Flange & Pressure

10: PN10 **16:** PN16 **25:** PN25
1K: JIS 10K **A1:** ANSI 150-LB